



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

### Trụ sở chính

Lô U.14b - 16a, Đường số 22, KCX Tân Thuận,  
P. Tân Thuận Đông, Q.7, Tp. Hồ Chí Minh  
Tel: (+84)(28) 3770 0968 - Fax: (+84)(28) 3770 0969

### Chi nhánh Hà Nội

Tầng 15, Tòa nhà LILAMA 10, Phố Tố Hữu,  
Trung Văn, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội  
Tel: (+84)(24) 3772 2989 - Fax: (+84)(24) 3772 3000

### Chi nhánh Đà Nẵng

Phòng E, Tầng 11, Số 02 Quang Trung,  
P. Hải Châu, Q. Hải Châu, Đà Nẵng  
Tel: (+84)(236) 381 2175 - Fax: (+84)(236) 381 2175

[www.saobacdau.com](http://www.saobacdau.com)

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2022

TP HCM, tháng 4 năm 2023



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Quý 4 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/03/2023	Tại ngày 01/04/2022
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>693,439,041,009</b>	<b>621,736,555,522</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	4.1	<b>6,941,247,485</b>	<b>7,902,645,804</b>
1. Tiền	111		6,941,247,485	7,902,645,804
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	<b>203,204,100</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	203,204,100
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>483,601,232,142</b>	<b>474,270,927,099</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	417,154,693,294	362,992,309,034
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.5	5,561,179,618	41,264,133,255
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		6,518,060	1,656,518,060
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.6	63,133,763,855	68,357,966,750
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(2,254,922,685)	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	4.7	<b>201,634,674,486</b>	<b>137,725,858,769</b>
1. Hàng tồn kho	141		201,642,112,284	137,733,296,567
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7,437,798)	(7,437,798)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1,261,886,897</b>	<b>1,633,919,750</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		149,568,682	665,931,911
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		375,656,397	148,963,878
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.15	736,661,818	819,023,961
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>117,540,469,058</b>	<b>141,337,831,826</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>23,787,785,058</b>	<b>23,799,840,558</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	4.4	19,155,005,465	19,155,005,465
2. Phải thu dài hạn khác	216	4.6	4,632,779,593	4,644,835,093
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>67,742,412,432</b>	<b>77,504,929,589</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	54,452,981,333	55,841,353,916
Nguyên giá	222		173,307,966,007	143,874,509,431
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(118,854,984,674)	(88,033,155,515)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	4.9	10,919,945,066	18,382,051,658
Nguyên giá	225		21,798,223,740	27,921,411,667
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(10,878,278,674)	(9,539,360,009)
3. Tài sản cố định vô hình	227	4.10	2,369,486,033	3,281,524,015
Nguyên giá	228		5,553,223,195	5,585,666,237
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3,183,737,162)	(2,304,142,222)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>6,277,155,305</b>	<b>16,473,740,468</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.11	6,277,155,305	16,473,740,468
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	4.2	<b>9,704,521,791</b>	<b>11,708,901,097</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		9,704,521,791	9,804,521,791
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1,200,000,000	2,100,000,000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1,200,000,000)	(195,620,694)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>10,028,594,472</b>	<b>11,850,420,114</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.12	9,153,019,346	11,779,227,392
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		654,175,126	71,192,722
5. Lợi thế thương mại	269		221,400,000	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>810,979,510,067</b>	<b>763,074,387,348</b>

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Quý 4 năm 2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/03/2023	Tại ngày 01/04/2022
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>671,020,705,093</b>	<b>641,186,541,834</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>659,108,541,454</b>	<b>587,262,428,731</b>
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.13	209,260,325,805	145,454,146,436
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.14	61,394,699,008	19,272,294,041
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.15	6,901,985,975	2,718,649,678
4. Phải trả người lao động	314	4.16	9,048,618,306	1,923,593,961
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.17	12,582,823,057	15,856,111,684
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		9,827,122,201	12,885,401,488
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.18	23,847,483,264	5,205,757,895
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.19	326,245,483,838	383,946,473,548
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>11,912,163,638</b>	<b>53,924,113,103</b>
7. Phải trả dài hạn khác	337		0	-
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.19	10,324,214,514	50,606,885,096
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		40,085,821	40,085,821
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	4.20	1,547,863,303	3,277,142,186
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>139,958,804,974</b>	<b>121,887,845,514</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.21.1	<b>139,958,804,974</b>	<b>121,887,845,514</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	4.21.2	121,783,800,000	115,000,000,000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		121,783,800,000	115,000,000,000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		17,326,224,711	7,626,132,662
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		855,055,078	1,419,805
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		16,471,169,632	7,624,712,858
4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		848,780,264	(738,287,148)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>810,979,510,067</b>	<b>763,074,387,348</b>



Nguyễn Hồng Minh

Tổng giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 04 năm 2023

Ngô Tiên Mạnh

Kế toán trưởng

Khưu Kim Huệ

Người lập

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông,  
Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN/HN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Quý 4 năm 2022	Quý 4 năm 2021	Lũy kế năm 2022	Lũy kế năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	244,776,466,566	283,665,659,259	854,289,899,738	855,366,306,180
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	1,500,000	-	4,510,000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		244,776,466,566	283,664,159,259	854,289,899,738	855,361,796,180
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	182,407,642,985	232,573,299,179	693,650,246,967	726,289,314,603
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		62,368,823,581	51,090,860,080	160,639,652,771	129,072,481,577
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		553,659,451	(395,485,407)	4,256,472,931	1,964,466,787
7. Chi phí tài chính	22	5.3	(9,071,152,562)	6,872,177,313	36,298,905,193	24,348,050,290
Trong đó, chi phí lãi vay	23		10,427,578,566	6,193,396,819	31,536,167,237	23,140,444,304
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	24		-	(2,272,528,791)	-	(2,272,528,791)
9. Chi phí bán hàng	25	5.4	10,448,187,434	6,892,527,664	40,496,896,807	36,371,060,134
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	30,098,581,899	20,125,688,603	76,359,961,285	63,719,488,552
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		31,446,866,260	14,532,452,302	11,740,362,417	4,325,820,597
12. Thu nhập khác	31		4,085,953,439	2,425,196,178	6,825,920,672	10,172,604,663
13. Chi phí khác	32		421,238,754	3,611,695,215	(4,671,421,728)	6,659,875,195
14. Lợi nhuận khác	40		3,664,714,685	(1,186,499,037)	11,497,342,400	3,512,729,468
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		35,111,580,945	13,345,953,265	23,237,704,817	7,838,550,065
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.7	379,074,905	524,201,916	711,134,720	931,305,675
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		301,377,945	363,209,347	(582,982,404)	363,209,347
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		34,431,128,095	12,458,542,002	23,109,552,502	6,544,035,043
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		27,792,745,226	15,254,395,504	16,471,169,633	9,339,888,545
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		6,638,382,869	(2,795,853,502)	6,638,382,869	(2,795,853,502)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.21.6	2,282	1,326	1,352	812
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.21.6	2,282	1,326	1,352	812



Nguyễn Hồng Minh  
Tổng giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 04 năm 2023

  
Ngô Tiên Mạnh  
Kế toán trưởng

  
Khuru Kim Huê  
Người lập

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN/HN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Lũy kế năm 2022	Lũy kế năm 2021
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>23,237,704,817</b>	<b>7,838,550,065</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.6	24,189,798,952	36,828,455,293
Các khoản dự phòng	03		3,259,301,991	195,620,694
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	(227,905,094)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	1,163,723,949
Chi phí lãi vay	06	5.3	31,536,167,237	23,140,444,304
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>08</b>		<b>82,222,972,997</b>	<b>68,938,889,210</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		20,561,293,297	(34,063,990,619)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(63,908,815,717)	(66,480,263,888)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		150,156,738,961	14,064,225,659
Tăng giảm chi phí trả trước	12		2,338,188,871	4,646,227,098
Tiền lãi vay đã trả	14		(31,536,167,237)	(23,140,444,304)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.15	(24,290,165)	(1,898,002,078)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>159,809,921,007</b>	<b>(37,933,358,922)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4,273,289,674)	(29,131,031,050)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	8,182,000,158
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(8,890,000,000)	(5,196,518,060)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		7,853,204,100	5,440,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(31,412,000,000)	(670,580,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1,373,204,100	900,000,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	565,789,706
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(35,348,881,474)</b>	<b>(19,910,339,246)</b>

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông,  
Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

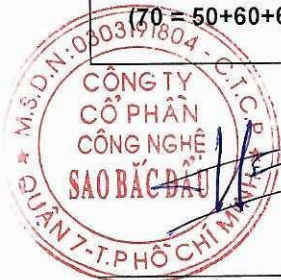
Mẫu số B 03 - DN/HN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Lũy kế năm 2022	Lũy kế năm 2021
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		6,783,800,000	-
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	460,572,632,796	797,586,197,055
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(580,982,277,290)	(745,182,549,088)
3. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(11,796,593,358)	(12,332,380,713)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(12,067,246,375)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(125,422,437,852)</b>	<b>28,004,020,879</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>				
<b>(50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(961,398,319)</b>	<b>(29,839,677,289)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		7,902,645,804	37,851,012,520
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(108,689,427)
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b>	<b>70</b>	4.1	<b>6,941,247,485</b>	<b>7,902,645,804</b>
<b>(70 = 50+60+61)</b>				



Nguyễn Hồng Minh  
Tổng giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 04 năm 2023

Ngô Tiến Mạnh  
Kế toán trưởng

Khưu Kim Huệ  
Người lập

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Điện – Điện tử – Tin học Sao Bắc Đầu. Ngày 30 tháng 08 năm 2007, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103002093 ngày 11 tháng 02 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 13 tháng 02 năm 2020.

Công ty đã đăng ký là công ty đại chúng tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước vào ngày 11 tháng 12 năm 2007.

Tại ngày 31 tháng 10 năm 2016, Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam chứng nhận Công ty đã đăng ký chứng khoán và được cấp mã chứng khoán theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 131/2016/GCNCP-VSD vào ngày 31 tháng 10 năm 2016.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 121.783.800.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia	Tại ngày 31/03/2023		Tại ngày 01/04/2022	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Ông Nguyễn Đức Quang	Việt Nam	18.878.930.000	15,50	18.878.930.000	16,42
Cổ đông khác	Việt Nam	102.904.870.000	84,50	96.121.070.000	83,58
<b>Cộng</b>		<b>121.783.800.000</b>	<b>100,00</b>	<b>115.000.000.000</b>	<b>100,00</b>

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty có đầu tư vào các công ty con như được trình bày tại mục 1.7 dưới đây (cùng với Công ty gọi chung là "Tập đoàn").

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 03 năm 2023 gồm:

- Chi nhánh tại Hà Nội: Tầng 3, CT1AB, Khu đô thị VOV Mỹ Trì - Phường Mỹ Trì - Quận Nam Từ Liêm - Hà Nội, Việt Nam;
- Chi nhánh tại Đà Nẵng: Số 02 Quang Trung, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam;
- Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu: 27/14B Cách Mạng Tháng Tám, Phường Quang Vinh, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31/03/2023 là 282 (01/04/2022 là: 261).

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Kinh doanh tích hợp hệ thống công nghệ thông tin.

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

### **1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

Sản xuất, lắp ráp, sửa chữa sản phẩm điện, điện tử, tin học (không hoạt động tại trụ sở). Mua bán hàng kim khí điện máy, đồ điện, sản phẩm tin học, thiết bị văn phòng, dây cáp điện, các loại đầu nối, linh kiện điện tử. Đại lý ký gửi hàng hóa. Môi giới thương mại. Dịch vụ cho thuê máy văn phòng. Mua bán điện thoại các loại, máy fax, tổng đài PABX (tới 32 số). Mua bán, lắp đặt và bảo trì hàng điện, điện tử, thiết bị tin học – mạng tin học. Mua bán, sản xuất, lắp đặt, bảo trì thiết bị ngành bưu chính viễn thông – mạng viễn thông; mua bán, sản xuất vật tư ngành bưu chính viễn thông; đại lý cung cấp các dịch vụ bưu chính viễn thông. Mua bán và sản xuất phần mềm tin học, thiết kế trang Web. Dịch vụ cung cấp thông tin lên mạng Internet. Đại lý cung cấp dịch vụ Internet (không kinh doanh đại lý cung cấp Internet tại trụ sở). Dịch vụ tư vấn, đào tạo kỹ thuật tin học, viễn thông. Cho thuê văn phòng. Mua bán, lắp đặt, sửa chữa, bảo trì thiết bị điện, thiết bị điều khiển tự động (không gia công cơ khí, xi mạ điện, tái chế phế thải tại trụ sở). Tư vấn về chuyển giao công nghệ. Đào tạo nghề. Mua bán phần mềm, máy móc, thiết bị cho ngành phát thanh và truyền hình. Sản xuất, mua bán và phát hành phim, băng đĩa có nội dung được phép lưu hành (không mua bán băng đĩa tại trụ sở). Kinh doanh bất động sản. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Đại lý bán vé máy bay. Thiết kế hệ thống mạng vi tính (thiết kế, tạo lập trang chủ Internet, thiết kế hệ thống mạng máy tính tích hợp phần cứng phần mềm và với các công nghệ truyền tin). Dịch vụ khoa học thuật: tích hợp hệ thống, chuyển giao công nghệ thông tin.

### **1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

### **1.5. Đặc điểm hoạt động kinh doanh trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính**

Trong niên độ trước, ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đã tác động mạnh mẽ đến nền kinh tế Việt Nam cũng như toàn thế giới và gây nhiều khó khăn trong quá trình hoạt động kinh doanh truyền thống, nhiều doanh nghiệp đã dần tiến hành việc chuyển đổi số, nhu cầu về sử dụng công nghệ thông tin gia tăng. Tuy nhiên, các nhu cầu này đã ổn định và giảm đi trong năm nay. Do đó, tình hình hoạt động kinh doanh năm nay của Tập đoàn đã phát triển chậm lại, doanh thu và giá vốn của Tập đoàn giảm tương ứng khoảng 31% và 35% so với năm trước.

### **1.6. Cấu trúc Tập đoàn**

Tại ngày 23/03/2022, Công ty TNHH MTV Dịch vụ Kỹ thuật Sao Bắc Đầu đã hoàn tất các thủ tục pháp lý cần thiết để chính thức giải thể hoạt động của doanh nghiệp. Theo đó, Tập đoàn đã ghi nhận khoản lỗ là 169.091.845 VND từ việc giải thể công ty con này vào thu nhập tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

*(Xem tiếp trang sau)*



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**1.7. Các công ty con trực tiếp được hợp nhất**

STT	Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn Thông Sao Bắc Đầu	Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	88,89%	88,89%
2.	Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu Miền Nam	Phòng 26, nhà 8, Đường số 3, Công viên phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	99,98%	99,98%
3.	Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Sao Bắc Đầu	Phòng 1, Nhà 8, Đường số 13, Công viên phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	99,98%	99,98%

**1.8. Các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu**

STT	Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty Cổ phần Công nghệ QI	Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	33,43%	33,43%
2.	Công ty Cổ phần Công Nghệ Mideas	61C Tú Xương, Phường 07, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	20%	46,56%
3.	Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ DCT	585/6 Sư Vạn Hạnh, Phường 13, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	22,27%	22,27%
4.	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tin học CEH	Phòng 701 Tầng 7, 45 Đinh Tiên Hoàng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	30%	27,03%

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam.

**2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

**2.3. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 và kết thúc ngày 31 tháng 03 năm tiếp theo.

**2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

### **2.5. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Tập đoàn mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ.

#### ***Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát***

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong thu nhập thuần và tài sản thuần của công ty con được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

#### ***Phương pháp kế toán ghi nhận lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con***

Các thay đổi về tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty con không đưa đến việc mất kiểm soát của Tập đoàn được hạch toán là giao dịch về vốn. Giá trị ghi sổ của Tập đoàn và lợi ích của cổ đông không kiểm soát được điều chỉnh để phản ánh sự thay đổi về tỷ lệ sở hữu tương ứng trong công ty con đó. Chênh lệch do điều chỉnh lợi ích của cổ đông không kiểm soát và giá trị hợp lý của khoản thanh toán được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

#### ***Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ***

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

## **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**

### **3.1. Ngoại tệ**

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá mua ngoại tệ/ tỷ giá bán ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

*(Xem tiếp trang sau)*

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

### **3.2. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 03 năm 2023 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2023. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

### **3.4. Đầu tư tài chính**

#### ***Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác***

##### ***Đầu tư vào công ty liên kết***

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên kết ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau đó, giá trị của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng giảm tương ứng với phần sở hữu của Tập đoàn trong lãi lỗ của công ty liên kết sau ngày mua.

Các khoản phân phối từ công ty liên kết sau ngày mua được ghi giảm giá trị của khoản đầu tư.

##### ***Đầu tư khác***

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

#### ***Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư khác***

##### ***Đối với các khoản đầu tư khác***

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, đối với các khoản đầu tư khác không phải là đầu tư chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước và không phải là chứng khoán tự do mua bán trên thị trường, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác được trích lập khi có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của doanh nghiệp với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính nhưng tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**3.5. Nợ phải thu**

***Nguyên tắc ghi nhận***

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

***Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi***

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng nợ phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.6. Hàng tồn kho**

***Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

***Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho***

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

***Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho***

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với mức trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị hàng tồn kho không cao hơn giá thị trường.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

### **3.7. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

#### ***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

#### ***Phương pháp khấu hao***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	15 – 40 năm
▪ Máy móc thiết bị	03 – 08 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 năm

### **3.8. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

#### ***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

#### ***Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình***

##### ***Phần mềm máy vi tính***

Phần mềm kế toán không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

##### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại Tòa nhà CT1AB, Khu đô thị VOV Mỹ Trì - Phường Mỹ Trì - Quận Nam Từ Liêm - Hà Nội, Việt Nam.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

### **3.9. Thuê tài sản**

#### ***Phân loại thuê tài sản***

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

#### ***Thuê tài chính***

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận là tài sản và nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán với cùng một giá trị bằng với giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản.

Nếu giá trị hợp lý của tài sản thuê cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản thì ghi nhận theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu.

Khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc. Chi phí tài chính được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê theo tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ còn lại cho mỗi kỳ kế toán.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính tương tự như đối với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc theo thời hạn thuê. Thời gian khấu hao ước tính cho máy móc thiết bị là từ 2 năm đến 3 năm.

### **3.10. Cho thuê tài sản**

#### ***Cho thuê hoạt động***

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo cách phân loại tài sản của Tập đoàn.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

### **3.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### **3.12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)**

#### ***Nguyên tắc phân chia doanh thu, chi phí, sản phẩm của hợp đồng:***

Tỷ lệ phân chia doanh thu dựa vào tỷ lệ được quy định trong từng hợp đồng hợp tác kinh doanh.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**3.13. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là chi phí liên quan đến chi phí thành lập doanh nghiệp, giá vốn công cụ, dụng cụ và giá vốn của các dự án chưa hoàn thành. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Tiền thuê đất, thuê cơ sở hạ tầng, thuê tài sản cố định trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.14. Nợ phải trả**

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

**3.15. Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

**3.16. Nguồn vốn chủ sở hữu**

***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

***Cổ tức***

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

***Quỹ dự trữ***

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn.

***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

### **3.17. Doanh thu và thu nhập khác**

#### ***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

### **3.18. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

### **3.19. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, lãi do thanh lý các khoản đầu tư tài chính, dự phòng tổn thất đầu tư và lỗ tỷ giá hối đoái.

### **3.20. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng như các chi phí về lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

### **3.21. Thuế**

#### ***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

##### ***Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành***

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành như sau:

- Thuế suất 10% đối với hoạt động được hưởng ưu đãi;
- Thuế suất 20% đối với hoạt động không được hưởng ưu đãi.

##### ***Chi phí thuế TNDN hoãn lại***

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**3.21. Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch;
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Tập đoàn chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

*(Xem tiếp trang sau)*

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**3.21. Thuế (Tiếp theo)**

*Ưu đãi, miễn giảm thuế*

Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ số 60/ĐK-DNKHCN vào ngày 31/07/2018 từ Sở Khoa học và Công nghệ TP. Hồ Chí Minh. Theo đó, Tập đoàn được công nhận danh mục 16 sản phẩm hàng hóa hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ. Căn cứ theo Thông tư liên tịch số 17/2012/TTLT-BKHCN-BTC-BNV ngày 10/09/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ về doanh nghiệp Khoa học và công nghệ, Tập đoàn được ưu đãi như sau:

- Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời gian 15 năm kể từ năm đầu tiên Tập đoàn có doanh thu từ hoạt động khoa học và công nghệ (năm 2011);
- Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm đầu tiên Tập đoàn có thu nhập chịu thuế (năm 2011).

Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 4234430517 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 07 năm 2017, Công ty con – Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu Miền Nam thực hiện dự án “Trung tâm sản xuất phần mềm và tích hợp hệ thống” tại Công viên phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh. Và theo Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 và Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014, Tập đoàn có thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư mới tại khu công nghệ thông tin tập trung được thành lập theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, Tập đoàn được hưởng ưu đãi:

- Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong bốn (04) năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (kể từ năm tài chính 2017) và giảm 50% trong chín (09) năm tiếp theo (kể từ năm tài chính 2021);
- Được hưởng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong thời hạn 15 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 0488758402 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 08 năm 2019, Công ty con – Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Sao Bắc Đầu thực hiện dự án “Trung tâm sản xuất phần mềm và tích hợp hệ thống” tại Công viên phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh. Và theo Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 và Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014, Tập đoàn có thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư mới tại khu công nghệ thông tin tập trung được thành lập theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, Tập đoàn được hưởng ưu đãi:

- Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong bốn (04) năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (kể từ năm tài chính 2019) và giảm 50% trong chín (09) năm tiếp theo (kể từ năm tài chính 2023);
- Được hưởng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong thời hạn 15 năm kể từ khi bắt đầu thực hiện dự án đầu tư.

Riêng giai đoạn tài chính từ 01 tháng 01 năm 2019 đến 31 tháng 03 năm 2019, Tập đoàn lựa chọn nộp thuế theo mức thuế suất không được hưởng ưu đãi là 20% của năm chuyển đổi kỳ tính thuế và tiếp tục hưởng ưu đãi thuế TNDN sang các năm kế tiếp theo quy định của Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**3.21. Thuế (Tiếp theo)**

***Thuế giá trị gia tăng***

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Phần mềm tin học: không chịu thuế;
- Xuất thiết bị vào khu phi thuế quan: 0%;
- Doanh thu thiết bị và hàng hóa: 10%;
- Dịch vụ cho thuê và các dịch vụ khác: 10%.

Theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022 qui định chi tiết thi hành Nghị quyết số 43/2022/QH15 được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2022, Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa, dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2022 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2022.

***Các loại thuế khác***

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn.

**3.22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**3.23. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**3.24. Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**3.25. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Tập đoàn, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông,  
Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/03/2023 VND	Tại ngày 01/04/2022 VND
Tiền mặt	214.200.866	425.811.591
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.727.046.619	7.476.834.213
<b>Cộng</b>	<b>6.941.247.485</b>	<b>7.902.645.804</b>

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/03/2023		Tại ngày 01/04/2022	
	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:				
Công ty Cổ phần Công nghệ QI	6.631.393.955	6.825.069.717	6.631.393.955	6.825.069.717
Công ty Cổ phần Công nghệ Mideas	2.400.000.000	920.951.212	2.400.000.000	920.951.212
Công ty Cổ phần Sách và Học liệu điện tử Pharos	-	-	-	-
Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ DCT	1.960.000.000	266.671.527	1.960.000.000	266.671.527
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tin học CEH	1.775.000.000	1.691.829.335	1.875.000.000	1.791.829.335
<b>Cộng</b>	<b>12.766.393.955</b>	<b>9.704.521.791</b>	<b>12.866.393.955</b>	<b>9.804.521.791</b>

*(Xem tiếp trang sau)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông,  
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/03/2023			Tại ngày 01/04/2022		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác:						
Công ty Cổ phần Sách và Học liệu điện tử Pharos	1.200.000.000	-	(1.200.000.000)	1.200.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Công Nghệ Số Thông Minh			-	900.000.000		-
<b>Cộng</b>	<b>1.200.000.000</b>		<b>(1.200.000.000)</b>	<b>2.100.000.000</b>		<b>-</b>

(\*) Tại ngày báo cáo, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(Xem tiếp trang sau)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/03/2023 VND	Tại ngày 01/04/2022 VND
Phải thu khách hàng là các bên có liên quan – Xem thêm mục 8	<b>1.583.806.849</b>	1.553.714.838
Phải thu khách hàng:		
Công ty Cổ phần Đầu Tư Đèo Cả Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Thành phố Hà Tĩnh	52.224.714.138	63.324.714.138
Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại và Dịch vụ VinFast	38.282.499.707	38.282.499.707
Công Ty Cổ phần Giải pháp Kinh doanh Nền tảng Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng trụ sở Bộ Ngoại giao	9.993.433.900	21.817.285.700
Công Ty TNHH Một Thành Viên Phát Triển Công Viên Phần Mềm Quang Trung	1.473.506.756	16.305.453.082
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á Tập đoàn Công Nghiệp - Viễn Thông Quân Đội	34.813.883.703	15.658.878.238
Tổng Công ty Giải pháp Doanh nghiệp Viettel - Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông quân đội	7.208.017.324	13.327.568.869
Tổ chức tài chính vi mô CEP	35.596.496.800	-
Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Và Kỹ Thuật Cơ Điện Lạnh R.E.E	878.525.824	3.294.471.840
Công Ty TNHH Viettel - CHT	7.038.329.749	1.508.596.980
CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT QME – 2T CORPORATION	1.372.140.000	
Công Ty TNHH N.E.T.S.Y.S Việt Nam	3.743.176.712	
	20.168.184.416	
	1.193.822.961	
	4.066.369.840	
Các khách hàng khác	199.101.591.464	187.919.125.642
<b>Cộng</b>	<b><u>417.154.693.294</u></b>	<b><u>362.992.309.034</u></b>

Tại ngày 31/03/2023, phải thu các khách hàng khác ngắn hạn có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu khách hàng ngắn hạn.

**4.4. Phải thu dài hạn của khách hàng**

Là khoản phải thu dài hạn của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng trụ sở Bộ Ngoại giao cho gói thầu cung cấp và lắp đặt hệ thống mạng máy tính, thông tin liên lạc cho công trình (TB-06) thuộc dự án đầu tư xây dựng trụ sở Bộ Ngoại giao giai đoạn 1. Hiện nay, dự án đang được bắt đầu triển khai tiếp tục cho giai đoạn 2. Khoản phải thu này dự kiến sẽ được khách hàng thanh toán sau khi hoàn tất tổng thể toàn bộ dự án.

(Xem tiếp trang sau)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.5. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/03/2023 VND	Tại ngày 01/04/2022 VND
Trả trước cho người bán là các bên liên quan – Xem thêm mục 8		650.000.000
Trả trước cho người bán:		
Blue Sky Solutions Global Trading Co., Ltd	-	31.639.071.785
Công ty TNHH Dịch vụ Tổng hợp và Thương mại Quốc tế Thăng Long	-	-
Công ty TNHH Kỹ thuật Công nghệ Cao Quốc tế Global	-	-
Các nhà cung cấp khác	5.561.179.618	8.975.061.470
<b>Cộng</b>	<b>5.561.179.618</b>	<b>41.264.133.255</b>

Tại ngày 31/03/2023, trả trước các nhà cung cấp khác ngắn hạn có số dư mỗi khoản trả trước dưới 10% tổng số trả trước các nhà cung cấp ngắn hạn.

**4.6. Phải thu khác**

	Tại ngày 31/03/2023 VND		Tại ngày 01/04/2022 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu người lao động	-	-	6.283.547.973	-
Ký quỹ bảo hành công trình cho Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	51.318.673.019	-	51.318.673.019	-
Ký cược, ký quỹ	3.802.971.435	-	6.415.927.600	-
Phải thu khác	2.649.433.526	-	4.339.818.158	-
Phải thu về tạm ứng	5.362.685.875	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>63.133.763.855</b>	<b>-</b>	<b>68.357.966.750</b>	<b>-</b>
Dài hạn:				
Ký cược, ký quỹ khác	4.632.779.593	-	4.644.835.093	-

(Xem tiếp trang sau)



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.7. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/03/2023		Tại ngày 01/04/2022	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường		-	6.295.250.553	-
Hàng tại kho Tập đoàn	12.747.815.649	(7.437.798)	7.467.091.252	(7.437.798)
Hàng tại kho triển khai	116.844.667.216	-	81.346.437.257	-
Kho theo dõi hàng cho thuê	54.393.175	-	54.393.175	-
Kho theo dõi hàng Hà Nội	32.058.545.518	-	20.800.861.038	-
Hàng hóa bất động sản	1.862.858.455	-	1.862.858.455	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	38.061.052.271	-	19.769.004.837	-
Công cụ, dụng cụ	12.780.000	-	137.400.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>201.642.112.284</u></b>	<b><u>(7.437.798)</u></b>	<b><u>137.733.296.567</u></b>	<b><u>(7.437.798)</u></b>

*(Xem tiếp trang sau)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/04/2022	34.345.180.908	106.601.594.413	2.927.734.110	143.874.509.431
Mua trong năm	9.330.032.642	27.898.885.300	-	37.228.917.942
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	21.847.830.012	-	21.847.830.012
Thanh lý, nhượng bán	-	(29.643.291.378)	-	(29.643.291.378)
<b>Tại ngày 31/03/2023</b>	<b>43.675.213.550</b>	<b>126.705.018.347</b>	<b>2.927.734.110</b>	<b>173.307.966.007</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/04/2022	12.902.421.989	72.233.505.137	2.897.228.389	88.033.155.515
Khấu hao trong năm	1.631.812.846	21.456.363.988	30.505.721	23.118.682.555
Phân loại lại từ TSCĐ thuê tài chính	-	9.630.427.925	-	9.630.427.925
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.927.281.321)	-	(1.927.281.321)
<b>Tại ngày 31/03/2023</b>	<b>14.534.234.824</b>	<b>101.393.015.740</b>	<b>2.927.734.110</b>	<b>118.854.984.674</b>
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/04/2022	21.442.758.919	34.368.089.276	30.505.721	55.841.353.916
<b>Tại ngày 31/03/2023</b>	<b>29.140.978.726</b>	<b>25.312.002.607</b>	<b>-</b>	<b>54.452.981.333</b>

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình là 21.442.758.930 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.19.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 28.056.713.439 VND.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.9. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**

Máy móc, thiết bị	Tại ngày 01/04/2022 VND	Tăng VND	Giảm VND	Tại ngày 31/03/2023 VND
Nguyên giá	27.921.411.667	6.428.090.940	12.551.278.867	14.255.388.809
Giá trị hao mòn lũy kế	(9.539.360.009)	(10.928.609.373)	(9.589.690.708)	(10.878.278.674)
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>18.382.051.658</b>			<b>10.919.945.066</b>

**4.10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Phần mềm máy tính VND	Quyền sử dụng đất VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/04/2022	3.484.509.016	2.101.157.221	5.585.666.237
Mua sắm trong năm	80.000.000	-	80.000.000
<b>Tại ngày 31/03/2023</b>	<b>3.564.509.016</b>	<b>2.101.157.221</b>	<b>5.665.666.237</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/04/2022	2.304.142.222	-	2.304.142.222
Khấu hao trong năm	949.444.940	-	949.444.940
<b>Tại ngày 31/03/2023</b>	<b>3.253.587.162</b>	<b>-</b>	<b>3.253.587.162</b>
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/04/2022	1.180.366.794	2.101.157.221	3.281.524.015
<b>Tại ngày 31/03/2023</b>	<b>310.921.854</b>	<b>2.101.157.221</b>	<b>2.412.079.075</b>

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.344.773.454 VND.

**4.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Là chi phí đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản cố định để phục vụ cho các dự án đang triển khai.

(Xem tiếp trang sau)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.12. Chi phí trả trước dài hạn**

	Tại ngày 31/03/2023 VND	Tại ngày 01/04/2022 VND
Quyền sử dụng đất	6.340.159.345	6.716.802.469
Chi phí trả trước cho các dự án	-	1.138.884.477
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.374.595.401	1.505.001.561
Các khoản khác	1.438.264.600	2.418.538.885
<b>Cộng</b>	<b>9.153.019.346</b>	<b>11.779.227.392</b>

Trong đó, giá trị quyền sử dụng đất là 6.716.802.469 VND tại Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã được dùng để thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn – Xem thêm mục 4.19.

**4.13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/03/2023 VND		Tại ngày 01/04/2022 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan	463.410.339	-	-	-
Phải trả người bán:				
Công ty TNHH Dịch vụ Tổng hợp và Thương mại Quốc tế Thăng Long	29.887.270.000	29.887.270.000	29.887.270.000	29.887.270.000
Cisco International Limited	15.994.093.184	15.994.093.184	11.414.112.686	11.414.112.686
Công ty TNHH Kỹ thuật Công nghệ Cao Quốc tế Global	8.223.605.608	8.223.605.608	8.223.605.608	8.223.605.608
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển công nghệ Trí Nam	7.050.660.800	7.050.660.800	7.050.660.800	7.050.660.800
Công ty TNHH Azbil Việt Nam	-	-	3.526.690.693	3.526.690.693
Avu Pty Ltd	30.557.530.315	30.557.530.315	2.267.216.222	2.267.216.222
Các đối tượng khác	117.547.165.898	117.547.165.898	83.084.590.427	83.084.590.427
<b>Cộng</b>	<b>209.260.325.805</b>	<b>209.260.325.805</b>	<b>145.454.146.436</b>	<b>145.454.146.436</b>

Tại ngày 31/03/2023, phải trả cho các đối tượng khác có số dư mỗi đối tượng dưới 10% tổng số phải trả người bán ngắn hạn.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Tại ngày 31/03/2023 VND	Tại ngày 01/04/2022 VND
Ngân hàng TMCP Đông Á	-	5.040.000.000
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	-	3.119.098.400
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Kỹ thuật Cơ điện lạnh R.E.E	-	2.975.715.145
Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ DAI-ICHI Việt Nam	1.177.253.880	
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	7.609.280.000	
Tổng Công Ty Viễn Thông Mobifone	5.448.000.000	
Công Ty Cổ Phần Giải Pháp CNTT Vinitis	1.892.190.000	
CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG THỊNH INCONS	1.580.739.897	
Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Viễn thông Tin học Sun Việt	6.656.734.000	
Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán ASEAN	1.599.292.200	
Công Ty Cổ Phần Đồng Tâm	3.186.776.061	
NGÂN HÀNG TMCP BƯU ĐIỆN LIÊN VIỆT (LienVietPostBank)	13.322.019.319	
Công Ty TNHH Giáo Dục Và Đào Tạo VINACADEMY	5.694.508.867	
Các khách hàng khác	13.227.904.784	8.137.480.496
<b>Cộng</b>	<b>61.394.699.008</b>	<b>19.272.294.041</b>

Tại ngày 31/03/2023, người mua trả tiền trước ngắn hạn khác có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số người mua trả trước ngắn hạn.

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông,  
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.15. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 31/03/2023		Trong năm			Tại ngày 01/04/2022	
	VND		VND			VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/Khấu trừ	Phân loại lại	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	687.157.328	4.720.340.431	150.534.565.372	(147.118.689.558)	-	671.680.671	1.288.987.960
Thuế xuất, nhập khẩu	-	3.345.771	76.240.932	(72.895.161)	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	49.504.490	711.134.720	800.268.055	(113.423.500)	-	49.504.490	24.290.165
Thuế thu nhập cá nhân	-	179.640.576	3.721.456.182	(3.822.331.015)	-	97.838.800	117.847.075
Các loại thuế khác	-	1.287.524.477	1.979.750.825	(1.979.750.826)	-	-	1.287.524.478
<b>Cộng</b>	<b>736.661.818</b>	<b>6.901.985.975</b>	<b>157.112.281.366</b>	<b>(153.107.090.060)</b>	<b>-</b>	<b>819.023.961</b>	<b>2.718.649.678</b>

**4.16. Phải trả người lao động**

Là khoản lương thưởng năm tài chính 2022 còn phải trả cho người lao động.

(Xem tiếp trang sau)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 31/03/2023 VND	Tại ngày 01/04/2022 VND
Trích trước chi phí tương ứng với doanh thu dự án đã thực hiện	12.504.223.057	15.798.838.957
Chi phí phải trả khác	78.600.000	57.272.727
<b>Cộng</b>	<b>12.582.823.057</b>	<b>15.856.111.684</b>

**4.18. Phải trả ngắn hạn khác**

	Tại ngày 31/03/2023 VND	Tại ngày 01/04/2022 VND
Cổ Đông Sao Bắc Đầu	14.850.000.000	
Cổ tức phải trả cổ đông khác	203.894.2375	2.162.996.700
Cổ tức phải trả cho các cổ đông không kiểm soát	-	-
Kinh phí công đoàn	1.372.357.902	1.319.944.444
Tiền bảo hiểm còn phải trả	9.218.637	250.220.509
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.576.964.350	1.472.596.242
<b>Cộng</b>	<b>23.847.483.264</b>	<b>5.205.757.895</b>

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.19. Vay và nợ thuê tài chính**

	Tại ngày 31/03/2023 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/04/2022 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn:</b>						
Vay ngân hàng	319.064.452.206	319.064.452.206	584.369.765.049	637.370.662.707	372.065.349.864	372.065.349.864
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	3.754.260.216	3.754.260.216	3.754.260.216	3.754.260.216	3.754.260.216	3.754.260.216
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	3.426.771.417	3.426.771.417	7.096.501.307	11.796.593.358	8.126.863.468	8.126.863.468
<b>Cộng</b>	<b>326.245.483.839</b>	<b>326.245.483.839</b>	<b>595.220.526.572</b>	<b>652.921.516.281</b>	<b>383.946.473.548</b>	<b>383.946.473.548</b>
<b>Dài hạn:</b>						
Vay từ cá nhân là các bên liên quan – Xem thêm mục 8	23.100.000.000	23.100.000.000			23.100.000.000	23.100.000.000
Vay từ cá nhân khác	(23.100.000.000)	(23.100.000.000)	23.350.000.000	59.210.000.000	12.760.000.000	12.760.000.000
Vay ngân hàng	10.324.214.514	10.324.214.514	-	3.754.260.216	14.078.474.730	14.078.474.730
Trừ vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	(3.754.260.216)	(3.754.260.216)	(3.754.260.216)	(3.754.260.216)	(3.754.260.216)	(3.754.260.216)
Nợ thuê tài chính	7.181.031.633	7.181.031.633	6.428.090.941	11.796.593.358	12.549.534.050	12.549.534.050
Trừ nợ thuê tài chính đến hạn trả	(3.426.771.417)	(3.426.771.417)	(7.096.501.307)	(11.796.593.358)	(8.126.863.468)	(8.126.863.468)
<b>Cộng</b>	<b>10.324.214.514</b>	<b>10.324.214.514</b>	<b>18.927.329.418</b>	<b>59.210.000.000</b>	<b>50.606.885.096</b>	<b>50.606.885.096</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>336.569.698.353</b>	<b>336.569.698.353</b>	<b>614.147.855.990</b>	<b>712.131.516.281</b>	<b>434.553.358.644</b>	<b>434.553.358.644</b>

Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn là các khoản vay ngắn hạn bằng VND chịu lãi suất từ 5,5%/năm đến 6%/năm. Các khoản vay này được thế chấp bằng:

- Công trình xây dựng văn phòng tài sản hình thành từ vốn vay và hệ thống máy chủ và thiết bị mạng và Quyền sử dụng đất thuê tại lô số U14b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh của công ty mẹ với giá trị còn lại lần lượt là 4.978.138.540 VND và 6.716.802.469 VND – Xem thêm mục 4.8 và mục 4.12;
- Quyền đòi nợ đã hình thành từ các hợp đồng kinh tế giữa Tập đoàn và khách hàng;
- Hàng hóa khoản phải thu hợp đồng gửi sổ tiết kiệm sổ tiền ký quỹ tài sản hình thành từ vốn vay;



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

- Số tiền ký quỹ tài sản hình thành từ phương án vay các khoản phải thu hình thành từ phương án vay.

**4.19. Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

Các khoản vay ngân hàng dài hạn là các khoản vay bằng VND chịu lãi suất 8,5%/năm. Các khoản vay này được thế chấp bằng:

- Mặt bằng tòa nhà văn phòng Hà Nội với giá trị còn lại là 16.464.620.390 VND – Xem thêm mục 4.8;
- Quyền đòi nợ đã hình thành từ các hợp đồng kinh tế giữa Tập đoàn và khách hàng.

Nợ thuê tài chính là các khoản nợ theo hợp đồng thuê tài chính với Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam và Công ty TNHH MTV Quốc tế Chailease có thời hạn từ 2 – 3 năm, chịu lãi suất 6,8%/năm đến 8,9%/năm.

Các khoản vay từ cá nhân dài hạn là các khoản vay tín chấp bằng VND và chịu lãi suất từ 0%/năm đến 8,2%/năm.

**4.20. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ**

	<b>Quỹ phát triển khoa học và công nghệ VND</b>
Tại ngày 01/04/2022	3.277.142.186
Trích trong năm từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	
Trích trong năm từ quỹ đầu tư phát triển	
Sử dụng quỹ	(1.729.278.883)
<b>Tại ngày 31/03/2023</b>	<b>1.547.863.303</b>

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẪU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.21. Vốn chủ sở hữu****4.21.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng
	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	
	VND	VND	VND	VND	
Tại ngày 01/04/2021	115.000.000.000	840.139.770	11.501.419.805	2.016.250.897	129.357.810.472
Lãi trong năm trước	-	-	9.339.888.545	(2.795.853.502)	6.893.415.845
Chia cổ tức	-	-	(11.500.000.000)	(114.000.000)	(12.245.972.800)
Trích quỹ thuộc nguồn vốn	-	400.000.000	-	-	-
Trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ	-	-	1.659.860.230)	-	(800.000.000)
Sử dụng quỹ	-	(3.200.000.000)	-	-	(3.200.000.000)
Giảm do thoái vốn, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con	-	-	-	-	(6.487.591.046)
Khác	-	-	(55.315.457)	155.315.457	-
Tại ngày 01/04/2022	115.000.000.000	-	7.626.132.662	(738.287.148)	121.887.845.514
Lãi trong năm nay	-	-	16.471.169.632	6.638.382.869	33.884.840.232
Chia cổ tức	-	-	(6.783.800.000)	-	(6.783.800.000)
Trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ	-	-	-	-	-
Tặng, giảm do thoái vốn	6.783.800.000	-	-	(4.996.000.000)	1.787.800.000
<b>Tại ngày 31/03/2023</b>	<b>121.783.800.000</b>	<b>-</b>	<b>17.313.502.295</b>	<b>904.095.721</b>	<b>150.776.685.747</b>

(Xem tiếp trang sau)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.21.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/03/2023 VND	Tại ngày 01/04/2022 VND
Ông Nguyễn Đức Quang	18.878.930.000	18.878.930.000
Cổ đông khác	102.904.870.000	96.121.070.000
<b>Cộng</b>	<b>121.783.800.000</b>	<b>115.000.000.000</b>

**4.21.3. Cổ phiếu**

	Tại ngày 31/03/2023	Tại ngày 01/04/2022
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	12.178.380	11.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	12.178.380	11.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	12.178.380	11.500.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

**4.21.4. Cổ tức**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Cổ tức phải trả cho cổ phiếu phổ thông	6.783.800.000	11.500.000.000

**4.21.5. Các quỹ của doanh nghiệp**

	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/04/2022 Sử dụng để trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ	-
Tại ngày 31/03/2023	-

(Xem tiếp trang sau)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.21.6. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	13.511.559.678	9.339.888.545
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lãi để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	13.511.559.678	9.339.888.545
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	12.178.380	11.500.000
<b>Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>1.109</b>	<b>812</b>

**4.22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

	Tại ngày 31/03/2023	Tại ngày 01/04/2022
Ngoại tệ các loại:		
USD	4.615,04	7.468,91

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

**5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu tích hợp hệ thống thiết bị, hàng hóa công nghệ thông tin	842.947.341.383	633.295.436.180
Doanh thu cung cấp dịch vụ	105.870.915.334	222.070.870.000
<b>Cộng</b>	<b>948.818.256.717</b>	<b>855.366.306.180</b>
Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan – Xem thêm mục 8	6.022.521.500	6.530.112.055

**5.2. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn tích hợp hệ thống thiết bị, hàng hóa công nghệ thông tin	707.120.358.148	541.576.715.861
Giá vốn cung cấp dịch vụ	81.057.848.026	184.712.598.742
<b>Cộng</b>	<b>788.178.206.174</b>	<b>726.289.314.603</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**5.3. Chi phí tài chính**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	31.536.167.237	23.140.444.304
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3.758.358.650	822.812.869
Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	36.216.638.798	195.620.694
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư		169.091.845
Lỗ từ thoái vốn các khoản đầu tư		-
Chi phí tài chính khác		20.080.578
<b>Cộng</b>	<b>71.511.164.685</b>	<b>24.348.050.290</b>

**5.4. Chi phí bán hàng**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lương nhân viên	28.991.096.815	25.795.994.172
Chi phí đồ dùng văn phòng		54.762.955
Chi phí khấu hao tài sản cố định	452.027.412	3.135.456
Chi phí bảo hành	406.151.440	1.650.370.577
Chi phí pre-sales	3.262.774.525	671.819.330
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.302.371.655	2.998.126.416
Chi phí bằng tiền khác	5.655.958.557	5.196.851.228
<b>Cộng</b>	<b>41.070.380.404</b>	<b>36.371.060.134</b>

**5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	50.665.717.442	36.908.064.479
Chi phí vật liệu quản lý	2.914.894.311	3.067.594.974
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.438.775.150	10.128.466.477
Thuế, phí và lệ phí	25.949.572	7.000.000
Chi phí dự phòng	4.084.623.320	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.591.381.003	9.845.216.000
Chi phí bằng tiền khác	3.053.546.245	3.763.146.622
<b>Cộng</b>	<b>76.774.887.043</b>	<b>63.719.488.552</b>

(Xem tiếp trang sau)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**5.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được hợp nhất từ chi phí thuế TNDN của các công ty trong Tập đoàn với thuế suất TNDN được áp dụng tại từng công ty trong Tập đoàn.

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	711.134.720	931.305.675
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b><u>711.134.720</u></b>	<b><u>931.305.675</u></b>

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

**6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	<b>614.147.855.990</b>	797.586.197.055

**6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm**

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	<b>(712.131.516.281)</b>	(745.182.549.088)

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****7. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Theo đánh giá của Tổng Giám đốc Tập đoàn, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn không bị tác động về những khác biệt về sản phẩm mà Tập đoàn cung cấp hoặc do Tập đoàn hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Cụ thể như sau:

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tập đoàn chủ yếu là từ cung cấp thiết bị và dịch vụ điện tử, tin học, giải pháp kỹ thuật tổng thể tích hợp hệ thống công nghệ thông tin nên không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh cần phải thuyết minh.
- Bộ phận theo khu vực địa lý: Tập đoàn không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Tập đoàn chủ yếu tại TP. Hồ Chí Minh. Do vậy, không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

**8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

1. Công ty Cổ phần Công nghệ QI	Công ty liên kết
2. Công ty Cổ phần Công Nghệ Mideas	Công ty liên kết
3. Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tin học CEH	Công ty liên kết
4. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Tập đoàn đã được loại trừ toàn bộ trong quá trình hợp nhất.

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	<b>Tại ngày 31/03/2023 VND</b>	<b>Tại ngày 01/04/2022 VND</b>
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng:</b>		
Công ty Cổ phần Công nghệ QI	1.534.500.000	1.273.407.989
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tin học CEH	-	231.000.000
Công ty Cổ phần Công Nghệ Mideas	49.306.849	49.306.849
<b>Cộng – Xem thêm mục 4.3</b>	<b>1.583.806.849</b>	<b>1.553.714.838</b>
	<b>Tại ngày 31/03/2023 VND</b>	<b>Tại ngày 01/04/2022 VND</b>
<b>Trả trước cho người bán – Xem thêm mục 4.5:</b>		
Công ty TNHH Dịch vụ Tin học CEH		650.000.000
	<b>Tại ngày 31/03/2023 VND</b>	<b>Tại ngày 01/04/2022 VND</b>
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn:</b>		
Công ty Cổ phần Công Nghệ Mideas		800.000.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tin học CEH		750.000.000
<b>Cộng</b>		<b>1.550.000.000</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

	Tại ngày 31/03/2023 VND	Tại ngày 01/04/2022 VND
Vay dài hạn:		
Ông Lê Hồng Phong		(12.500.000.000)
Ông Trần Anh Tuấn		(10.600.000.000)
<b>Cộng – Xem thêm mục 4.19</b>		<b>(23.100.000.000)</b>

Trong năm, Tập đoàn đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Công Nghệ QI	5.982.521.500	6.410.112.055
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tin học CEH	40.000.000	120.000.000
<b>Cộng – Xem thêm mục 5.1</b>	<b>6.022.521.500</b>	<b>6.530.112.055</b>
	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>

Mua hàng hóa và dịch vụ:

Công ty Cổ phần Công Nghệ QI	619.035.583	459.433.297
------------------------------	-------------	-------------

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan không có tài sản bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan.

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Các khoản vay từ các bên liên quan chịu lãi suất từ 0%/năm đến 8,2%/năm, các khoản vay này không có tài sản đảm bảo và thời gian hoàn trả cụ thể.

*(Xem tiếp trang sau)*



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****9. CÁC NGHĨA VỤ THEO HỢP ĐỒNG THUÊ TÀI CHÍNH**

Tập đoàn đang thuê một bộ phận riêng biệt của máy móc thiết bị với thời gian sử dụng ước tính từ 2 đến 3 năm theo hợp đồng thuê tài chính với thời hạn từ 2 đến 3 năm. Các khoản nợ thuê tài chính tối thiểu phải trả trong tương lai được chi tiết như sau:

Thời hạn	Tại ngày 31/03/2023 VND	Tại ngày 01/04/2022 VND
Từ 1 năm trở xuống	3.426.771.417	8.126.863.468
Trên 1 năm đến 5 năm	7.181.031.633	4.422.670.582
<b>Cộng</b>	<b>10.607.802.050</b>	<b>12.549.534.050</b>

**10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ngoài sự kiện nêu trên, không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31/03/2023 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Tập đoàn trong những năm tài chính sắp tới.



**Nguyễn Hồng Minh**  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 04 năm 2023

**Ngô Tiến Mạnh**  
Kế toán trưởng

**Khưu Kim Huê**  
Người lập

